



KẾT QUẢ KHẢO SÁT BƯỚC ĐẦU VỀ ĐỜI SỐNG CƯ DÂN THƯƠNG HỒ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Trọng Nhân, Đào Ngọc Cảnh và Lê Thị Tố Quyên¹

¹ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 16/05/2013

Ngày chấp nhận: 22/08/2013

Title:

An initial survey study
stallholder livelihood in the
Mekong Delta of Vietnam

Từ khóa:

Chợ nổi Cái Răng, chợ nổi
Ba Ngàn, chợ nổi Ngã Năm,
đồng bằng sông Cửu Long,
khách thương hồ

Keywords:

Cai Rang floating market, Ba
Ngan floating market, Nga
Nam floating market, the
Mekong Delta of Vietnam,
stallholder

ABSTRACT

In recent years, the press has become interested in the lives of people who purchase in the rivers because they are the linking roles between the sectors of agriculture, industry, trade and services; and contribute to the connection between urban and rural areas. Thereby, it has been shown those people play very important roles for economic and social development in the region. However, the relevant issues in concerns have not been fully discovered, as follows: the causes which led to them to take purchasing on the river as their job; what difficulties for people who have to face with when purchasing and living on the rivers; and what should be done to overcome those obstacles for better improvement in their purchasing and living in their situations. The study focuses on these issues.

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây báo giới bắt đầu quan tâm đến đời sống của những người mua bán trên sông vì họ là những người đóng vai trò nối kết giữa các ngành nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công với thương mại, dịch vụ; đồng thời còn góp phần gắn kết giữa đô thị với nông thôn. Qua đó cho thấy vai trò quan trọng của họ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng. Nhưng những nguyên nhân nào dẫn đến việc họ đến với nghề mua bán trên sông? Những khó khăn mà họ đã và đang phải đối mặt trong mua bán và sinh hoạt là gì? Cần phải làm gì để khắc phục những trở ngại để họ có được đời sống mua bán trên sông tốt hơn?... Nghiên cứu tập trung chủ yếu vào những vấn đề này.

1 GIỚI THIỆU

Vùng đồng bằng sông Cửu Long có một bộ phận lớn cư dân mưu sinh bằng cách mua bán hàng hóa trên những chiếc ghe dọc theo các dòng kênh, rạch hay tụ tập trên sông tại các thị tứ, đô thị được người dân địa phương gọi là khách thương hồ. Có thể nói đây là thành phần có những đóng góp rất lớn trong việc tiêu thụ hàng hóa ở vùng từ lúc hạ tầng giao thông đường bộ chưa phát triển cho đến thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó, khách thương hồ còn góp phần tạo nên sự đa dạng văn hóa cho vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung, là một trong những dạng tài nguyên có thể khai thác để phát

triển du lịch, cụ thể là du lịch chợ nổi, du lịch sông nước.

Do thường xuyên di lại, neo đậu, buôn bán, sinh hoạt trên sông nên cư dân thương hồ đã và đang gặp không ít những khó khăn, trở ngại cần phải được khắc phục. Nếu hoạt động mua bán không hiệu quả, đời sống trên sông nước quá khốn khó thì đến một lúc nào đó số người tham gia mua bán trên sông sẽ giảm đi và các tụ điểm thương mại trên sông sẽ không còn sôi động nữa và nguy cơ mất dần các chợ nổi là điều có thể xảy ra trong tương lai.

Việc cải thiện điều kiện mua bán, sinh hoạt của cư dân thương hồ sẽ góp phần cải thiện đời

sống của họ nhằm giữ gìn và phát triển phương thức mua bán trên sông. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại ở vùng phát triển, giải quyết được một số lượng lớn công ăn việc làm, mang lại thu nhập cho người dân và phát triển được du lịch trên cơ sở văn hóa sông nước,... Tuy nhiên, để làm được những điều đó vấn đề quan trọng là cần phải hiểu về đời sống, về những khó khăn, nguyện vọng của cư dân để từ đó có những hỗ trợ, giúp đỡ một cách cụ thể, thiết thực. Có như vậy mới mong duy trì và phát triển được loại hình mua bán đặc thù này.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu là phỏng vấn trực tiếp du khách bằng bảng câu hỏi. Đối với phương pháp này, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 50 chủ ghe đang neo đậu buôn bán tại 3 chợ nổi Cái Răng (thành phố Cần Thơ), Ba Ngàn (tỉnh Hậu Giang) và Ngã Năm (tỉnh Sóc Trăng) trong tháng 11 và 12 năm 2011. Cách lấy mẫu phi xác suất theo kiểu thuận tiện. Dữ liệu từ bảng hỏi được xử lý, phân tích bằng phần mềm SPSS for Window 18.0 dưới dạng thống kê mô tả. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để khảo sát thêm những thông tin chi tiết liên quan đến đời sống cư dân thương hồ.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm của cư dân thương hồ vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thông qua việc xử lý, phân tích kết quả phỏng vấn cho thấy một số đặc điểm chủ yếu của cư dân thương hồ vùng đồng bằng sông Cửu Long như sau:

Trình độ học vấn của cư dân rất thấp và phần lớn xuất thân từ nông dân. Theo kết quả điều tra, có đến 84% cư dân có trình độ từ trung học cơ sở trở xuống, đặc biệt có 4% cư dân mù chữ. Trước khi theo nghề mua bán trên sông, họ chủ yếu làm ruộng, rẫy, vườn chiếm 52%. Các nghề nghiệp chuyên đôi còn lại bao gồm tiểu thương 30%, làm thuê 12%, giáo viên 2% và ngành nghề khác (bộ đội, công an, công nhân) chiếm 4%.

Loại hình cư trú của cư dân chủ yếu là nông thôn và nguồn thu nhập chính nhờ vào mua bán. Có đến 68% cư dân mua bán trên sông định cư ở

vùng nông thôn và thu nhập của gia đình phần lớn (82%) dựa vào nghề mua bán. Có một tỷ lệ rất khiêm tốn cư dân có nguồn thu nhập chính từ các hoạt động kinh tế khác như: làm ruộng 10%, làm vườn 6%, làm rẫy 2%. Qua đó cho thấy hoạt động mua bán trên sông đóng một vai trò rất quan trọng đối với đời sống của nhiều cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Những người mua bán trên sông phần lớn ở độ tuổi trung niên và hầu hết là dân tộc Kinh. Theo kết quả điều tra, cư dân thương hồ có độ tuổi từ 40-49 chiếm 46%, kế đến là ở độ tuổi 30-39 chiếm 32%, ở độ tuổi 20-29 chiếm 10%, còn số người từ 60 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ rất ít (2%). Từ kết quả thống kê cho thấy những người mua bán trên sông tuyệt đại bộ phận đang trong độ tuổi lao động vì đây là lứa tuổi chiếm tỷ lệ đông đảo nhất trong cơ cấu dân số Việt Nam và là thành phần có đủ sức khỏe, điều kiện tài chính, kinh nghiệm đối với nghề thương hồ. Về thành phần dân tộc, 100% số người được hỏi đều trả lời là dân tộc Kinh.

Số nhân khẩu trong các hộ gia đình mua bán trên sông khá đông và nam giới cao hơn nữ giới. Từ kết quả điều tra cho thấy, gia đình của các cư dân có số nhân khẩu từ 3 cho đến 9, trong đó số gia đình có 4 người, tức cha mẹ và 2 con chiếm đa số (40%), tiếp đến là gia đình có 5 thành viên chiếm 28%, còn gia đình có từ 6 người trở lên chiếm 24%. Mỗi gia đình có trung bình 2,3 người nữ và 2,6 người nam.

Thâm niên hoạt động mua bán trên sông của cư dân nhìn chung khá cao, trung bình 10,31 năm, trong đó người có thâm niên thấp nhất là 1 năm và cao nhất là 40 năm.

3.2 Những nhân tố tác động đến việc lựa chọn hoạt động thương hồ (mua bán trên sông) của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả khảo sát cho thấy có 8 nhân tố chủ yếu tác động đến việc cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long mưu sinh bằng nghề mua bán trên sông như: không có hoặc có ít ruộng đất để sản xuất, muốn kiếm thêm thu nhập, thích mua bán trên sông, không có việc làm, bán được nhiều hàng hóa và mau thu lời, có được địa điểm mua bán dễ dàng, được gia đình truyền nghề lại và có thời gian rỗi nhiều (Bảng 1).

Bảng 1: Những nhân tố tác động đến việc lựa chọn hoạt động thương hồ

Những nhân tố	Tỷ lệ (%)
(1). Không có hoặc có ít ruộng đất để sản xuất	54
(2). Muốn kiếm thêm thu nhập	54
(3). Thích mua bán trên sông	42
(4). Không có việc làm	40
(5). Bán được nhiều hàng hóa và mau thu lời	40
(6). Có được địa điểm mua bán dễ dàng	32
(7). Được gia đình truyền nghề lại	18
(8). Có thời gian rỗi nhiều	12

Nguồn: Điều tra trực tiếp từ cư dân thương hồ, 2011

3.3 Thực trạng đời sống của cư dân thương hồ vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thực trạng hoạt động mua bán và sinh hoạt của cư dân thương hồ vùng đồng bằng sông Cửu Long cho thấy có những nét chủ yếu như sau:

Trung bình mỗi ghe có 2,52 người. Đa đa số các thành viên ở mỗi ghe đều có quan hệ vợ chồng, con cái, anh chị em ruột trong một gia đình và việc thuê nhân công là rất ít (10%) nhưng chi thuê tối đa một lao động/ghe. Theo sự cho biết của chủ ghe, họ không thuê nhân công (90%) vì các thành viên trong gia đình đã đảm trách được công việc và nếu thuê nhân công chủ ghe sẽ lời ít, không lời, thậm chí lỗ vốn.

Trung bình mỗi tháng cư dân có 3,78 chuyến mua bán và mỗi chuyến trung bình 6 ngày. Trọng tải ghe trung bình 9,56 tấn, tối thiểu là 1 tấn và tối đa là 17 tấn. Hàng hóa mua bán chủ yếu là trái cây (76%), rau củ (46%) và lúa gạo (4%),... Thị trường mua bán hàng hóa của cư dân cũng rất đa dạng: chỉ mua ở phạm vi trong tỉnh (54%), chỉ mua ở các tỉnh khác (5%); chỉ bán khác tỉnh (52%), chỉ bán trong tỉnh (32%). Qua số liệu cho thấy, phần lớn cư dân thu mua hàng hóa ở phạm vi trong tỉnh nhưng lại bán chủ yếu ở các tỉnh khác. Điều này nói lên sự thuận lợi về khoảng cách nơi thu mua và khả năng tiêu thụ hàng hóa lại vượt trội ở những thị trường khan hiếm mặt hàng.

Nguồn thông tin mà khách thương hồ dựa vào trong việc định hướng thị trường mua bán cũng rất đa dạng nhưng quan trọng nhất vẫn do người thân và họ hàng chỉ dẫn (60%). Bên cạnh đó, bạn hàng cũng là một nguồn thông tin hiệu quả (42%). Một phần quyết định trong việc lựa chọn thị trường mua bán của cư dân thương hồ còn xuất phát từ kinh nghiệm tự có của bản thân (36%). Một số hình thức thông tin khác như: radio, tivi,

báo, tạp chí cũng có tác dụng nhưng chỉ rất khiêm tốn (4%). Trên cơ sở về mặt số liệu có thể nhận định phương thức tiếp cận thị trường của cư dân thương hồ chủ yếu vẫn theo hình thức truyền thống.

Khi lựa chọn một địa điểm buôn bán trên sông tại các chợ nổi, cư dân thương hồ rất quan tâm đến các yếu tố: khoảng cách từ nơi thu mua đến nơi bán gần, đi lại thuận tiện và có thể bán được hàng hóa (72%). Điều này họ biết được thông qua sự giúp đỡ của người thân, họ hàng và bạn hàng. Việc cứ đến một nơi nào bất kỳ nếu buôn bán không được thì đi nơi khác chiếm tỷ lệ rất nhỏ (10%). Qua đó cho thấy, cư dân rất thận trọng trong việc tìm hiểu thị trường và những kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình mua bán đã giúp họ rất nhiều trong việc hạn chế những trường hợp rủi ro trong buôn bán. Chính điều này đã mang lại khoản lợi nhuận đáng kể cho mỗi hộ ghe. Theo kết quả điều tra, trung bình mỗi ghe thu được lợi nhuận 2,68 triệu đồng/tháng, cao nhất từ 2-4 triệu/tháng (30%), 4-6 triệu/tháng (26%), đặc biệt có 20% số hộ có lợi nhuận trên 8 triệu đồng/tháng.

Nhìn chung các hộ mua bán trên sông phần lớn có vốn để làm ăn khi mà có đến 79,2% cho biết họ không vay mượn tiền để mua bán. Số còn lại (20,8%) có vay tiền ít nhất là 3 triệu đồng, cao nhất là 50 triệu đồng và trung bình là 21,56 triệu đồng. Người dân vay tiền chủ yếu để mua hàng hóa (42,9%), mua ghe (35,7%) và với mục đích khác: chăn nuôi, chi phí cho con ăn học (21,4%). Nơi người dân tiếp cận vay vốn chính là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (60%), Ngân hàng người nghèo (20%), còn lại phải vay tư nhân (20%). Lãi suất vay từ 1-2%/tháng (66,7%). Có 76,9% số hộ cho rằng lãi suất vay như vậy là cao đối với họ.

Cư dân thương hồ chủ yếu sử dụng các phương tiện để nấu nướng là: bếp ga (80%), lò xò (24%), bếp củi (2%) và nồi điện (2%). Điều này phản ánh sự thích hợp giữa thiết bị nấu nướng với phương tiện mua bán trong điều kiện rày đây mai đó.

Nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt của cư dân thương hồ cũng là một vấn đề đã và đang đặt ra. Đối với việc nấu ăn, cư dân chủ yếu dùng nước giếng khoan (68%) chờ theo hoặc mua từ người dân địa phương. Điều đáng quan tâm là còn một bộ phận đáng kể cư dân dùng nước sông đã được lóng phèn (24%) để nấu ăn. Việc sử dụng nước mưa và nước máy chiếm tỷ lệ rất nhỏ, lần lượt (4%) và (6%). Nguồn nước khách thương hồ dùng trong tắm giặt chủ yếu từ nước sông (82%), nước giếng khoan (28%), nước mưa (1%) và nước máy (1%). Trong khi đó, nguồn nước dùng để uống chủ yếu từ bình nước lọc (84%), nước sông đun sôi (14%), nước giếng khoan (12%), nước mưa (2%). Theo ý kiến tự đánh giá của người dân, chất lượng nguồn nước sử dụng ở mức trung bình (đạt giá trị 3,28 trong thang đánh giá 5 cấp độ).

Điều kiện vệ sinh cũng là một trong những vấn đề khó khăn đối với cư dân thương hồ. Vì cuộc

Bảng 2: Điều kiện thuận lợi đối với hoạt động mua bán trên sông

Thuận lợi	Tỷ lệ (%)
(1). Nhiều bến bãi neo đậu buôn bán	52
(2). Thu mua được nhiều loại hàng hóa theo từng thời vụ	38
(3). Khả năng tiếp cận địa điểm mua bán hàng hóa thuận tiện	28
(4). Không có sự phá giá hay xung đột giữa các bạn hàng	28
(5). Không phải thuê mướn mặt bằng	24
(6). Chính quyền địa phương tạo điều kiện về bến bãi neo đậu	24

Nguồn: Điều tra trực tiếp từ khách thương hồ, 2011

Bên cạnh những thuận lợi, một số khó khăn mà cư dân thương hồ vùng đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt trong hoạt động mua bán và sinh hoạt như sau:

Tình hình buôn bán trong những năm gần đây trở nên khó khăn (46%) do người mua hàng hóa ở chợ nổi ngày càng ít; sự chênh lệch giữa giá bán và giá thu mua hàng hóa không cao, đôi khi giá bán thấp hơn giá thu mua nên một số chuyển mua bán không có lời, thậm chí lỗ lã.

Thiếu điện, nước và các phương tiện giải trí (32%) làm cho đời sống vật chất và tinh thần của cư dân thương hồ trở nên nghèo nàn.

Tình trạng trộm cướp vào ban đêm (lấy cắp mỏ

sống lênh đênh trên sông nước, luôn có sự biến chuyển liên tục giữa nơi thu mua với nơi buôn bán. Do đó, để thích ứng với đặc thù của nghề nghiệp, đồng thời tiện lợi trong sinh hoạt, mua bán, cư dân chủ yếu đi vệ sinh trực tiếp xuống sông (92%) thông qua nhà vệ sinh trên ghe. Trong khi đó, chỉ có 14% số người được hỏi đi vệ sinh nhờ nhà người dân và 4% đi ở nhà vệ sinh công cộng. Điều này không những làm mất đi vẻ mỹ quan nơi mua bán mà còn gây ô nhiễm nguồn nước.

3.4 Một số thuận lợi, khó khăn trong đời sống của cư dân thương hồ vùng đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động mua bán của cư dân thương hồ vùng đồng bằng sông Cửu Long có một số thuận lợi như sau: nhiều bến bãi neo đậu buôn bán, thu mua được nhiều loại hàng hóa theo từng thời vụ khác nhau, điều kiện tiếp cận địa điểm thu mua và bán hàng hóa thuận tiện, giữa các bạn hàng không có tình trạng phá giá hay xung đột, mặt bằng buôn bán không phải thuê mướn, chính quyền địa phương cũng tạo điều kiện thuận lợi về bến bãi (Bảng 2).

neo, xăng dầu, điện thoại di động, dây chuyền) cũng thường xảy ra, nhất là ở chợ nổi Cái Răng (24%).

Điều kiện vệ sinh cũng gặp khó khăn. Phần lớn người dân có nhà vệ sinh trên ghe (92%) nên họ đi vệ sinh trực tiếp xuống sông (92%). Điều này làm mất mỹ quan; gây ô nhiễm môi trường nước. Do sử dụng trực tiếp nguồn nước sông để tắm giặt, ăn uống nên người dân dễ bị mắc một số bệnh ngoài da (mẩn ngứa) hoặc đau bụng, tiêu chảy (20,4%).

Sự di dời bến bãi của các chợ nổi cũng làm cho hoạt động buôn bán, sinh hoạt của cư dân thương hồ thêm khó khăn (14%).